Bài ca hóa trị (hay còn được gọi là bài ca hóa học) là bài thơ nói về hóa trị của các nguyên tố hóa học cơ bản, thường gặp trong chương trình hóa học lớp 8, lớp 9 - giai đoạn làm quen với môn hóa.

Bài ca hóa trị đã được truyền miệng từ rất lâu với nhiều phiên bản khác nhau, do người học đã thêm hoặc bỏ đi những nguyên tố, những hóa trị không được phổ biến, hiếm gặp.

Mời các em cùng tham khảo hai bài ca hóa trị cơ bản và nâng cao dưới đây để cùng học hóa thật vui, thật đơn giản nhé.

# Bài ca hóa trị cơ bản

Bài ca hóa trị cơ bản là bài ca hóa trị thường gặp hơn, ngắn gọn và tập trung vào hóa trị của các nguyên tố thường gặp nhất.

Kali (K), Iot (I), Hidrô (H)  
Natri (Na) với Bạc (Ag), Clo (Cl) một loài  
Là hoá trị một (I) em ơi  
Nhớ ghi cho kỹ kẻo thời phân vân  
Magiê (Mg), Kẽm (Zn) với Thuỷ Ngân(Hg)  
Oxi (O), Đồng (Cu), Thiếc(Sn) cùng gần Bari (Ba)  
Cuối cùng thêm chú Canxi (Ca)  
Hoá trị hai (II) nhớ có gì khó khăn  
Bác Nhôm (Al) hoá trị ba(III) lần  
In sâu trí nhớ khi cần có ngay  
Cacbon (C), Silic (Si) này đây  
Có hoá trị bốn(IV) không ngày nào quên  
Sắt (Fe) kia lắm lúc hay phiền  
Hai, ba lên xuống nhớ liền ngay thôi  
Nitơ (N) rắc rối nhất đời  
Một hai ba bốn, khi thời lên V  
Lưu huỳnh (S) lắm lúc chơi khăm  
Xuống hai lên sáu khi nằm thứ tư  
Phot pho (P) nói đến không dư  
Có ai hỏi đến thì ừ rằng năm  
Em ơi, cố gắng học chăm  
Bài ca hoá trị suốt năm cần dùng.

# Bài ca hóa trị nâng cao

Bài ca hóa trị nâng cao có thông tin về hóa trị của các nguyên tố gần giống với bài ca hóa trị cơ bản. Nhưng phần cuối sẽ có thêm những nguyên tố ít gặp hơn so với các nguyên tố phía trên. Cùng đọc để ghi nhớ hóa trị các nguyên tố ít gặp hơn này nhé.

Hidro (H) cùng với liti (Li)  
Natri (Na) cùng với kali (K) một loài  
Ngoài ra còn bạc (Ag) ra oai  
Nhưng hoá trị một (I) đơn côi chẳng nhầm  
Riêng đồng (Cu) cùng với thuỷ ngân (Hg)  
Thường hai (II) ít một (I) chẳng phân vân gì  
Đổi thay hai (II), bốn (IV) là chì (Pb)  
Điển hình hoá trị của chì là hai (II)  
Bao giờ cùng hoá trị hai (II)  
Là ôxi (O) , kẽm (Zn) chẳng sai chút gì  
Ngoài ra còn có canxi (Ca)  
Magiê (Mg) cùng với bari (Ba) một nhà  
Bo (B) , nhôm (Al) thì hóa trị ba (III)  
Cácbon (C) silic (Si) thiếc (Sn) là bốn (IV) thôi  
Thế nhưng phải nói thêm lời  
Hóa trị hai (II) vẫn là nơi đi về  
Sắt (Fe) hai (II) toan tính bộn bề  
Không bền nên dễ biến liền sắt ba (III)  
Phốt pho (P) ba (III) ít gặp mà  
Phốt pho năm (V)chính người ta gặp nhiều   
Nitơ (N) hoá trị bao nhiêu ?  
Một(I) hai (II) ba(III) bốn (IV), phần nhiều tới năm (V)  
Lưu huỳnh (S) lắm lúc chơi khăm  
Khi hai (II) lúc bốn(IV), sáu (VI) tăng tột cùng  
Clo (Cl) Iot (I) lung tung  
Hai (II) ba (III) năm (V) bảy (VII) nhưng thường một (I) thôi  
Mangan (Mn) rắc rối nhất đời  
Đổi từ một (I) đến bảy (VII) thời mới yên  
Hoá trị hai dùng rất nhiều   
Hoá trị bảy cũng được yêu hay cần  
Bài ca hoá trị thuộc lòng  
Viết thông công thức đề phòng lãng quên  
Học hành cố gắng cần chuyên  
Siêng ôn chăm luyện tất nhiên nhớ nhiều.

Ngoài việc học theo bài ca hóa trị cơ bản và nâng cao, các em có thể học theo bảng hóa trị sau chia theo nguyên tố và nhóm nguyên tố thường gặp trong giải bài tập.

## Bảng hóa trị các nguyên tố thường gặp

Bảng hóa trị các nguyên tố thường gặp được thống kê tương đương với các nguyên tố có trong bài ca hóa trị cơ bản phía trên.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số proton** | **Tên Nguyên tố** | **Ký hiệu hoá học** | **Nguyên tử khối** | **Hoá trị** |
| 1 | Hiđro | H | 1 | I |
| 3 | Liti | Li | 7 | I |
| 9 | Flo | F | 19 | I |
| 11 | Natri | Na | 23 | I |
| 17 | Clo | Cl | 35,5 | I,... |
| 19 | Kali | K | 39 | I |
| 35 | Brom | Br | 80 | I... |
| 47 | Bạc | Ag | 108 | I |
| 29 | Đồng | Cu | 64 | I, II |
| 80 | Thuỷ ngân | Hg | 201 | I, II |
| 4 | Beri | Be | 9 | II |
| 8 | Oxi | O | 16 | II |
| 12 | Magie | Mg | 24 | II |
| 20 | Canxi | Ca | 40 | II |
| 30 | Kẽm | Zn | 65 | II |
| 56 | Bari | Ba | 137 | II |
| 24 | Crom | Cr | 52 | II, III |
| 26 | Sắt | Fe | 56 | II, III |
| 7 | Nitơ | N | 14 | II, III, IV... |
| 82 | Chì | Pb | 207 | II, IV |
| 16 | Lưu huỳnh | S | 32 | II, IV, VI |
| 25 | Mangan | Mn | 55 | II, IV, VII... |
| 5 | Bo | B | 11 | III |
| 13 | Nhôm | Al | 27 | III |
| 15 | Photpho | P | 31 | III, V |
| 6 | Cacbon | C | 12 | IV, II |
| 14 | Silic | Si | 28 | IV |

## Bảng hóa trị các nhóm nguyên tố thường gặp

Bảng hóa trị các nhóm nguyên tố không dựa trên bài ca hóa trị nhưng lại là một cách ghi nhớ dễ dàng, tuyệt vời khi các em luyện tập làm bài mỗi ngày.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hóa trị** | **Tên Nhóm** | **CTHH** | **Nguyên tử khối** |
| **I** | Hidroxit | -OH | 17 |
| Clorua | -Cl | 35.5 |
| Bromua | -Br | 80 |
| Iotdua | -I | 127 |
| Nitrit | -NO2 | 46 |
| Nitrat | -NO3 | 62 |
| Dihidrophotphat | -H2PO4 | 97 |
| Dihidrophotphit | -H2PO3 | 81 |
| Hidrosunfat | -HSO4 | 97 |
| Hidrosunfit | -HSO3 | 81 |
| Hidrosunfua | -HS | 33 |
| Hidrocacbonat | -HCO3 | 61 |
| **II** | Hidrophotphit | =HPO3 | 80 |
| Silicat | =SiO3 | 76 |
| Sunfua | =S | 32 |
| Sunfit | =SO3 | 80 |
| Sunfat | =SO4 | 96 |
| Cacbonat | =CO3 | 60 |
| Hidrophotphat | =HPO4 | 96 |
| **III** | Photphit | ≡PO3 | 79 |
| Photphat | ≡PO4 | 95 |

Trên đây là nội dung Bài ca hóa trị cơ bản và nâng cao dành cho các em học sinh lớp 8,9 để ghi nhớ được hóa trị của các nguyên tố cơ bản. Cũng giống như lời nhắc cuối những bài ca hóa trị, Đọc tài liệu cũng khuyên các em nên luyện giải bài nhiều thì sẽ dễ dàng hiểu và ghi nhớ các hóa trị dễ nhất dù 1 chất có nhiều hóa trị khác nhau. Chúc các em học hóa thật tốt, thật vui.